TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Ngôi chùa Nam Tông Khmer ở Vĩnh Long "tiếp cận từ triết học, giáo dục văn hóa và cơ chế gắn kết cộng đồng"

ISSN: 2734-9195 11:00 31/10/2026

Ngôi chùa Phật giáo Nam tông Khmer tại tỉnh Vĩnh Long cần được nhìn nhận không chỉ như cơ sở thực hành tôn giáo mà còn là một thiết chế có vai trò giáo dục, bảo tồn văn hóa và kết nối cộng đồng.

Tóm tắt

Ngôi chùa Phật giáo Nam tông Khmer là thiết chế tôn giáo có vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần, văn hóa và xã hội của cộng đồng Khmer Nam Bộ. Bài viết phân tích vai trò của ngôi chùa tại tỉnh Vĩnh Long hiện nay từ sự kết hợp giữa tiếp cận triết học Phật giáo, xã hội học tôn giáo và phân tích dữ liệu thực tiễn. Trên cơ sở kế thừa khung phân tích về sự chuyển hóa từ giáo lý, niềm tin đến hành vi và giá trị xã hội đã được vận dụng trong nghiên cứu trước của tác giả về nghi lễ Kathina, bài viết mở rộng đối tượng khảo sát từ một nghi lễ sang ngôi chùa với tư cách là thiết chế cộng đồng.

Nghiên cứu sử dụng phân tích tài liệu thứ cấp, thống kê mô tả và nghiên cứu trường hợp; tập trung vào hoạt động dạy chữ Khmer tại chùa Âng (Trà Vinh trước sáp nhập), chương trình Tết Quân - Dân tại chùa ở xã Trà Côn năm 2026 và hoạt động phối hợp phổ biến chính sách dân tộc đến chư tăng, ban quản trị các chùa Khmer. Dữ liệu công bố cho biết tỉnh Vĩnh Long có 415.970 người Khmer, chiếm 11,02% dân số; có 156 chùa Khmer; cả 156 chùa được thông tin là có tổ chức dạy chữ Khmer. Năm 2025, 132 trường tổ chức dạy tiếng Khmer với khoảng 41.500 học sinh.

Kết quả phân tích cho thấy ngôi chùa tham gia đời sống cộng đồng thông qua các cơ chế giáo dục ngôn ngữ và đạo đức, bảo tồn và truyền thừa văn hóa, tạo không gian sinh hoạt chung, cũng như phối hợp truyền tải thông tin xã hội. Tuy nhiên, dữ liệu hiện có chủ yếu phản ánh hoạt động và quy mô triển khai, chưa đủ để lượng hóa tác động dài hạn đối với hành vi, nhận thức và điều kiện sống.

Bài viết đề xuất tăng cường phối hợp giữa chùa, gia đình, nhà trường và cơ quan chuyên môn; đồng thời xây dựng hệ thống đánh giá dựa trên kết quả thực tế.

Từ khóa: Phật giáo Nam tông Khmer, chùa Khmer, triết học Phật giáo, giáo dục đạo đức, bảo tồn văn hóa, gắn kết cộng đồng.

Abstract

The Khmer Theravada pagoda is an important religious institution in the spiritual, cultural, and social life of the Khmer community in Southern Vietnam. This article examines the role of Khmer pagodas in Vinh Long Province through Buddhist philosophical, sociology-of-religion, and empirical perspectives. Building on the analytical sequence of doctrine, belief, conduct, and social values used in the author's previous study of the Kathina ceremony, the present article expands the focus from a single ritual to the pagoda as a community institution. The study employs secondary document analysis, descriptive statistics, and case-study methods. It examines Khmer-language education at Ang Pagoda in pre-merger Tra Vinh, a 2026 community program held at a Khmer pagoda in Tra Con, and policy communication activities involving monks and pagoda management boards. Published sources report 415,970 Khmer people, representing 11.02 percent of the provincial population, and 156 Khmer pagodas in Vinh Long. All 156 pagodas are reported to organize Khmer-language teaching; in 2025, 132 schools provided Khmer-language education to approximately 41,500 students. The findings indicate that pagodas contribute through language and ethical education, cultural preservation and transmission, community gathering, and cooperation in communicating public information. However, available data mainly describe activities and participation, and are insufficient to measure long-term impacts on behavior, awareness, or living conditions. The article recommends stronger cooperation among pagodas, families, schools, and relevant agencies, alongside outcome-based evaluation.

Keywords: Khmer Theravada Buddhism, Khmer pagoda, Buddhist philosophy, ethical education, cultural preservation, community cohesion.

1. Đặt vấn đề

Trong đời sống của cộng đồng Khmer Nam Bộ, **Phật giáo Nam tông** không chỉ là tôn giáo đáp ứng nhu cầu tu học và thực hành tín ngưỡng mà còn gắn bó với ngôn ngữ, phong tục, lễ hội, giáo dục và các quan hệ cộng đồng.

Trong cấu trúc văn hóa ấy, ngôi chùa giữ vị trí đặc biệt: vừa là nơi sinh hoạt tôn giáo của tăng đoàn và Phật tử, vừa là không gian lưu giữ tri thức, thực hành văn hóa và tổ chức nhiều hoạt động chung của phum, sóc. Nghiên cứu về ngôi chùa Khmer ở Tây Nam Bộ đã nhấn mạnh mối liên hệ lâu dài giữa chùa với đời sống tinh thần và sự biến đổi chức năng của thiết chế này trong bối cảnh hiện đại [1]. Các nghiên cứu khác cũng xem chùa Khmer là trung tâm giáo dục cộng đồng, sinh hoạt xã hội và bảo tồn văn hóa truyền thống [2], [3].



Ảnh minh họa (Thạch Đờ Ni)

Từ góc độ Phật học, vai trò xã hội của ngôi chùa cần được nhận diện trong mối liên hệ với nền tảng giáo lý và thực hành đạo đức. Trong bài nghiên cứu trước về "Triết học nhân quả trong nghi lễ Kathina của Phật giáo Nam tông Khmer ở Vĩnh Long: Giá trị đạo đức và cơ chế điều chỉnh xã hội", tác giả đã phân tích chuỗi liên kết giáo lý - niềm tin - hành vi - giá trị xã hội, qua đó cho thấy một nghi lễ có thể trở thành môi trường thực hành bố thí, nuôi dưỡng thiện tâm và củng cố quan hệ cộng đồng. Bài viết hiện tại kế thừa cách tiếp cận đó nhưng không lặp lại phân tích nghi lễ Kathina; thay vào đó, đối tượng được mở rộng là ngôi chùa với tư cách một thiết chế có khả năng duy trì, tổ chức và kết nối nhiều hoạt động tôn giáo, giáo dục và văn hóa.

Bối cảnh tỉnh Vĩnh Long sau sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025 làm cho vấn đề này có ý nghĩa thực tiễn rõ nét. Theo thông tin được Báo Nhân Dân dẫn từ địa phương, tỉnh có 415.970 người Khmer, chiếm hơn 11% dân số, cùng 156 chùa Khmer [4]. Báo và Phát thanh, Truyền hình Vĩnh Long cho biết cả 156 chùa Phật giáo Nam tông Khmer đều tổ chức dạy chữ Khmer; năm 2025 có 132

trường tổ chức dạy tiếng Khmer với khoảng 41.500 học sinh [5]. Những dữ liệu này cho thấy quy mô đáng kể của cộng đồng và sự tham gia của thiết chế chùa trong hoạt động duy trì ngôn ngữ dân tộc.

Tuy nhiên, việc ghi nhận số lượng chùa, lớp học hay người tham gia chưa đồng nghĩa với việc đã chứng minh được mức độ chuyển biến về năng lực ngôn ngữ, nhận thức đạo đức hoặc chất lượng đời sống. Vì vậy, bài viết đặt ra ba câu hỏi:

(1) Nền tảng triết học Phật giáo nào giúp lý giải vai trò giáo dục và xã hội của ngôi chùa Khmer?

(2) Những cơ chế cụ thể nào được thể hiện qua hoạt động giáo dục, bảo tồn văn hóa và kết nối cộng đồng tại Vĩnh Long?

(3) Cần những điều kiện và phương thức đánh giá nào để phát huy vai trò ấy trong bối cảnh hiện nay?

2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở tiếp cận từ triết học Phật giáo và xã hội học tôn giáo

Trong Phật giáo Theravāda, hành động có chủ ý giữ vị trí cốt yếu trong quan niệm về nghiệp. Kinh Tăng chi bộ, AN 6.63, trình bày lời dạy “ý muốn (tác ý) là nghiệp”; con người tạo nghiệp qua thân, khẩu và ý [6]. Cách hiểu này cho phép tiếp cận giáo dục đạo đức không chỉ như việc truyền đạt những quy tắc bên ngoài, mà còn là quá trình nuôi dưỡng nhận thức, động cơ và thói quen hành động. Khi được chuyển tải trong sinh hoạt chùa, giáo lý về nghiệp và nhân quả có thể định hướng Phật tử cân nhắc hệ quả đạo đức của hành vi, khuyến khích các hành động thiện lành và hạn chế hành vi gây tổn hại.

Bên cạnh đó, thực hành bố thí (dāna), giữ giới (sīla), tu tập tâm và phát triển lòng từ bi là những phương diện quan trọng trong đời sống Phật giáo tại gia. Bài nghiên cứu trước của tác giả về Kathina đã chỉ ra rằng hoạt động cúng dường không chỉ có ý nghĩa vật chất mà còn tạo cơ hội thực hành giảm tham, nuôi dưỡng tinh thần vị tha và gắn lợi ích cá nhân với lợi ích cộng đồng.

Trong phạm vi bài viết, những giá trị ấy được xem là nền tảng đạo đức có thể được truyền đạt thông qua thuyết giảng, sinh hoạt Phật tử, giáo dục thế hệ trẻ và các hoạt động tương trợ. Cần nhấn mạnh rằng đây là cơ sở lý giải về mặt giáo lý; mức độ tác động thực tế đối với từng cá nhân cần được khảo sát riêng, không thể suy ra chỉ từ sự hiện diện của hoạt động tại chùa.

Từ góc độ xã hội học tôn giáo, ngôi chùa có thể được xem là một thiết chế cộng đồng vì có không gian sinh hoạt ổn định, đội ngũ chư tăng, ban quản trị, mạng lưới phật tử và mối liên hệ với các gia đình trong địa bàn. Các nghiên cứu về chùa Khmer đã ghi nhận chức năng tôn giáo song hành với chức năng giáo dục, văn hóa và sinh hoạt xã hội [1], [2], [3]. Trên cơ sở đó, bài viết sử dụng khung phân tích gồm bốn mắt xích: (i) giá trị và giáo lý Phật giáo; (ii) thiết chế chùa và các chủ thể truyền đạt; (iii) hoạt động thực hành cụ thể; (iv) kết quả xã hội có thể quan sát hoặc cần tiếp tục kiểm chứng. Khung này phát triển từ chuỗi giáo lý - niềm tin - hành vi - giá trị xã hội trong nghiên cứu Kathina, nhưng đặt trọng tâm vào vai trò đa chức năng của ngôi chùa.

2.2. Phương pháp và nguồn dữ liệu

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích tài liệu thứ cấp, thống kê mô tả và nghiên cứu trường hợp. Nguồn dữ liệu gồm thông tin do cơ quan quản lý nhà nước công bố, báo chí chính thống, công trình nghiên cứu về chùa Khmer và Phật giáo Nam tông Khmer, cùng báo cáo tổng kết của Hội Đoàn kết sư sãi yêu nước tỉnh Vĩnh Long được dẫn trong nghiên cứu trước của tác giả.

Ba trường hợp được lựa chọn nhằm làm rõ các chức năng khác nhau của ngôi chùa: (1) chùa Âng tại Trà Vinh trước sáp nhập, tập trung vào hoạt động dạy chữ Khmer; (2) chương trình Tết Quân – Dân mừng Chôl Chnăm Thmây năm 2026 tổ chức tại chùa Khmer ở xã Trà Côn, tập trung vào chức năng kết nối cộng đồng; (3) hoạt động phổ biến chính sách dân tộc đến chư tăng và ban quản trị 156 chùa Khmer trong năm 2026, tập trung vào quan hệ phối hợp giữa thiết chế tôn giáo và cơ quan quản lý.

Bài viết phân biệt rõ dữ liệu Trà Vinh trước sáp nhập với dữ liệu tỉnh Vĩnh Long sau sáp nhập. Số liệu 143 chùa, hơn 900 lớp và hơn 20.000 học sinh thuộc địa bàn Trà Vinh trước sáp nhập; số liệu 156 chùa và 415.970 người Khmer thuộc tỉnh Vĩnh Long mới.

Các số liệu khác thời điểm và phạm vi không được cộng gộp. Do nghiên cứu chưa tiến hành phỏng vấn hoặc khảo sát thực địa, bài viết không trình bày dữ liệu sơ cấp, không suy diễn tỷ lệ tác động và không xem các trường hợp báo chí phản ánh là đại diện thống kê cho toàn bộ hệ thống chùa.

3. Bối cảnh cộng đồng Khmer và hệ thống chùa tại Vĩnh Long

3.1. Quy mô cộng đồng và vị trí của hệ thống chùa

Theo thông tin được Báo Nhân Dân công bố tháng 4/2026, tỉnh Vĩnh Long sau sáp nhập có 415.970 người Khmer, chiếm hơn 11% dân số, và 156 chùa Khmer [4]. Một nguồn thông tin khác của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh, được Báo và Phát thanh, Truyền hình Vĩnh Long dẫn lại, xác định tỷ lệ người Khmer là 11,02% dân số toàn tỉnh [5]. Những số liệu này cho thấy cộng đồng Khmer là một bộ phận quan trọng trong cấu trúc dân cư và văn hóa của tỉnh.



Ảnh minh họa (Thạch Đờ Ni)

Quy mô 156 chùa phản ánh mạng lưới cơ sở tôn giáo có khả năng duy trì sinh hoạt Phật giáo và hỗ trợ các hoạt động văn hóa tại nhiều địa bàn. Tuy nhiên, số lượng chùa không tự động phản ánh mức độ hoạt động, điều kiện cơ sở vật chất, số người tham gia thường xuyên hoặc chất lượng các chương trình. Để đánh giá đầy đủ cần có dữ liệu ở cấp từng tự viện, bao gồm nhân sự, chương trình, tần suất, nguồn lực và kết quả.

3.2. Chùa trong mạng lưới giáo dục ngôn ngữ Khmer

Báo và Phát thanh, Truyền hình Vĩnh Long cho biết 156 chùa Phật giáo Nam tông Khmer trên địa bàn tỉnh đều tổ chức giảng dạy chữ Khmer tại điểm chùa. Cùng nguồn này, năm 2025 có 132 trường tổ chức dạy tiếng Khmer với 1.521 lớp và khoảng 41.500 học sinh [5]. Dữ liệu cho thấy hoạt động giáo dục ngôn ngữ được triển khai trong cả môi trường chùa và nhà trường. Hai môi trường có

thể bổ trợ cho nhau: nhà trường thực hiện chương trình giáo dục theo hệ thống chính quy; chùa tạo thêm không gian tiếp cận ngôn ngữ, văn bản và sinh hoạt văn hóa gắn với cộng đồng.

Không nên cộng số học sinh của các lớp tại chùa với số học sinh tại trường nếu chưa có dữ liệu đối chiếu, bởi một người học có thể tham gia cả hai môi trường. Tương tự, việc tất cả chùa tổ chức dạy chữ Khmer là thông tin về sự hiện diện của hoạt động, chưa phải bằng chứng cho thấy chất lượng giảng dạy và kết quả học tập đồng đều giữa các cơ sở.

4. Các cơ chế thể hiện vai trò của ngôi chùa

4.1. Cơ chế giáo dục ngôn ngữ và truyền thừa tri thức văn hóa

Trường hợp chùa Âng tại Trà Vinh trước sáp nhập cho thấy hoạt động dạy chữ Khmer tại chùa có quy mô cộng đồng đáng chú ý. Theo Thông tấn xã Việt Nam, địa bàn Trà Vinh khi đó có 143 chùa Phật giáo Nam tông Khmer; hầu hết tổ chức dạy chữ Khmer dịp hè với hơn 900 lớp, trên 800 chư tăng và achar tham gia giảng dạy, thu hút hơn 20.000 học sinh. Các lớp học được tổ chức miễn phí [7]. Nguồn tin cũng ghi nhận trường hợp một học sinh đã tham gia bốn kỳ học chữ Khmer tại chùa Âng và bày tỏ mong muốn tiếp tục học để có thể đọc, viết và giao tiếp thành thạo [7].

Từ trường hợp này có thể nhận diện ba yếu tố tạo nên vai trò giáo dục của chùa. Thứ nhất, chùa cung cấp địa điểm học tập quen thuộc, gần gũi với gia đình và cộng đồng. Thứ hai, chư tăng và achar tham gia truyền dạy, kết nối việc học chữ với văn bản, kinh sách và tri thức văn hóa Khmer. Thứ ba, hoạt động học tập trong không gian chùa có thể giúp người học hình thành sự gắn bó với ngôn ngữ và di sản của cộng đồng. Nghiên cứu về văn hóa Khmer từ góc nhìn chùa cũng nhấn mạnh vai trò của chùa trong giáo dục cộng đồng và lưu giữ di sản vật thể, phi vật thể [2].

Tuy nhiên, tư liệu hiện có chưa cung cấp tỷ lệ hoàn thành khóa học, kết quả kiểm tra năng lực đọc - viết, mức độ sử dụng tiếng Khmer trong gia đình hoặc khả năng duy trì ngôn ngữ sau khi kết thúc khóa học. Vì vậy, trường hợp chùa Âng chứng minh sự hiện diện và ý nghĩa của hoạt động dạy chữ, nhưng chưa đủ để kết luận về hiệu quả dài hạn. Đối với Vĩnh Long hiện nay, cần đánh giá hoạt động dạy chữ Khmer tại chùa bằng các chỉ báo cụ thể như số lớp, số học viên duy nhất, tỷ lệ chuyên cần, tỷ lệ hoàn thành và năng lực sử dụng ngôn ngữ.

4.2. Cơ chế giáo dục đạo đức từ nền tảng giáo lý Phật giáo

Khác với chức năng dạy chữ có thể thống kê bằng lớp học và học viên, giáo dục đạo đức tại chùa diễn ra thông qua nhiều hình thức: thuyết giảng, tụng đọc kinh điển, hướng dẫn giữ giới, sinh hoạt Phật tử, tham gia lễ hội và quan sát cách ứng xử của chư tăng, người lớn trong cộng đồng. Nền tảng triết học của quá trình này nằm ở quan niệm nghiệp gắn với tác ý. Theo AN 6.63, nghiệp được giải thích trên cơ sở ý muốn hay tác ý, và được thực hiện qua thân, khẩu, ý [6]. Cách tiếp cận này nhấn mạnh trách nhiệm cá nhân đối với hành động, lời nói và suy nghĩ.

Khi được chuyển tải phù hợp với đời sống cộng đồng, giáo lý nhân quả có thể hỗ trợ người học nhận thức rằng hành vi có hệ quả và mỗi cá nhân cần chịu trách nhiệm đạo đức đối với lựa chọn của mình. Các giá trị như không sát hại, không trộm cắp, chân thật, tiết chế và biết chia sẻ có thể được củng cố thông qua thực hành giới, bố thí và sinh hoạt tập thể. Bài viết trước của tác giả về nghi lễ Kathina đã phân tích cách thức niềm tin về nghiệp và công đức có thể được chuyển hóa thành hành vi bố thí, cúng dường và tương trợ. Ở phạm vi rộng hơn, ngôi chùa là môi trường duy trì và lặp lại những thực hành đạo đức ấy trong đời sống thường nhật.

Dẫu vậy, cần tránh khẳng định rằng mọi hành vi tốt của người Khmer đều bắt nguồn trực tiếp từ giáo lý nhân quả hoặc mọi người tham gia sinh hoạt chùa đều có cùng mức độ tiếp nhận giáo lý. Gia đình, nhà trường, phong tục, điều kiện kinh tế và các thiết chế xã hội khác cũng góp phần hình thành đạo đức. Do đó, vai trò của chùa nên được hiểu là một nguồn lực giáo dục và định hướng đạo đức quan trọng, hoạt động trong mối quan hệ tương tác với các môi trường xã hội khác.

4.3. Cơ chế bảo tồn và tái tạo bản sắc văn hóa Khmer

Ngôi chùa Khmer là không gian nơi các thực hành Phật giáo gắn với ngôn ngữ, kiến trúc, nghệ thuật, lễ hội và ký ức cộng đồng. Nghiên cứu về chùa Khmer ở Tây Nam Bộ đã xem ngôi chùa như một biểu tượng tinh thần và một thiết chế có chức năng văn hóa, đồng thời lưu ý rằng vai trò của chùa đang biến đổi trong bối cảnh hiện đại [1]. Nghiên cứu về văn hóa truyền thống Khmer từ góc nhìn chùa cũng nhấn mạnh giá trị của kiến trúc, điêu khắc và chức năng giáo dục, sinh hoạt xã hội của không gian chùa [2].



Ảnh minh họa (Thạch Đờ Ni)

Việc dạy chữ Khmer tại chùa tạo điều kiện để thế hệ trẻ tiếp cận ngôn ngữ viết; việc tổ chức các ngày lễ truyền thống và sinh hoạt Phật giáo tạo môi trường thực hành văn hóa; việc lưu giữ kinh sách, tư liệu và kiến trúc góp phần duy trì

ký ức cộng đồng. Những hoạt động này không tồn tại tách biệt mà hỗ trợ lẫn nhau: ngôn ngữ giúp tiếp cận văn bản và tri thức; lễ hội tạo cơ hội thực hành; không gian kiến trúc và nghệ thuật cung cấp dấu hiệu nhận diện văn hóa.

Tuy nhiên, bảo tồn không chỉ là duy trì hình thức lễ hội hoặc kiến trúc. Cần chú ý đến khả năng truyền thừa tri thức, sự tham gia chủ động của thế hệ trẻ và quyền tham gia của cộng đồng Khmer trong việc xác định giá trị cần gìn giữ. Việc số hóa kinh sách, tư liệu lịch sử chùa và ký ức của người cao tuổi có thể là hướng đi phù hợp, nhưng cần có sự đồng thuận của cộng đồng, quy trình kiểm chứng và cơ chế bảo quản lâu dài.

4.4. Cơ chế kết nối cộng đồng và huy động nguồn lực xã hội

Chương trình Tết Quân - Dân mừng Chôl Chnăm Thmây năm 2026 tổ chức tại chùa Khmer ở ấp Thôn Rôn, xã Trà Côn, là trường hợp cho thấy không gian chùa có thể trở thành địa điểm kết nối giữa người dân, chính quyền, lực lượng vũ trang và các tổ chức xã hội. Theo Báo Nhân Dân, chương trình diễn ra trong hai ngày 14 và 15/4/2026, với các hoạt động văn hóa, văn nghệ, gói bánh tét, hội thi nấu ăn và trao tặng nhà cho hộ khó khăn [8]. Báo Vĩnh Long cũng đưa tin về hoạt động khám sức khỏe, tư vấn và cấp thuốc miễn phí cho khoảng 300 người Khmer tại xã Trà Côn trong dịp này [9].

Trường hợp trên cho thấy chùa có thể cung cấp một không gian quen thuộc, có ý nghĩa văn hóa và thuận lợi cho việc tập hợp cộng đồng. Trong khi đó, cơ quan nhà nước, lực lượng vũ trang, cơ sở y tế và các tổ chức phối hợp đảm nhiệm những phần việc chuyên môn, nhân lực hoặc nguồn lực. Vì vậy, cần phân biệt vai trò địa điểm, vai trò phối hợp và vai trò trực tiếp tổ chức hoặc tài trợ; không nên quy toàn bộ kết quả chương trình cho riêng nhà chùa.

Từ góc độ xã hội học tôn giáo, sự gặp gỡ tại không gian chùa có thể tăng cơ hội giao tiếp, hợp tác và tương trợ giữa các thành viên cộng đồng. Bài viết trước của tác giả về Kathina cũng nhận diện cơ chế cố kết xã hội thông qua quá trình cùng chuẩn bị, tham gia và chia sẻ trách nhiệm trong nghi lễ. Ở cấp độ thiết chế, ngôi chùa tạo điều kiện để những hoạt động tương trợ và sinh hoạt chung được tổ chức thường xuyên hơn. Tuy nhiên, muốn kết luận về tác động lâu dài đến thu nhập, sức khỏe hoặc mức độ tin cậy xã hội, cần dữ liệu theo dõi sau chương trình.

4.5. Cơ chế phối hợp truyền tải thông tin và chính sách

Trong tháng 08/2026, Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Vĩnh Long phối hợp với Hội Đoàn kết sư sãi yêu nước và chính quyền địa phương tổ chức 14 hội nghị tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về công tác dân tộc. Có 1.716 đại diện chư tăng và ban quản trị của 156 chùa Phật giáo Nam tông Khmer tham gia [10]. Nội dung có Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 29/4/2026 của Tỉnh ủy Vĩnh Long về phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2026–2030, định hướng đến năm 2045; đồng thời triển khai Điều lệ và Chương trình hành động của Hội Đoàn kết sư sãi yêu nước tỉnh nhiệm kỳ 2025–2030 [10].

Dữ liệu này cho thấy chư tăng và ban quản trị chùa là nhóm chủ thể được mời tham gia vào quá trình phổ biến thông tin chính sách. Do có mối liên hệ thường xuyên với cộng đồng, các chủ thể này có thể hỗ trợ chuyển tải thông tin bằng ngôn ngữ và cách diễn đạt phù hợp, nhất là khi có tài liệu song ngữ Việt – Khmer. Tuy nhiên, số đại biểu dự hội nghị chỉ phản ánh quy mô tiếp cận trực tiếp, chưa chứng minh mức độ hiểu biết hoặc khả năng vận dụng chính sách của toàn thể người dân. Việc đánh giá cần có khảo sát trước và sau hội nghị, cùng dữ liệu phản hồi của người tiếp nhận.

Vai trò này cần được xác định là sự phối hợp giữa thiết chế tôn giáo và cơ quan chuyên môn, không phải sự thay thế chức năng quản lý nhà nước. Nội dung truyền tải phải chính xác, thống nhất, tôn trọng tính tự chủ của hoạt động tôn giáo và phù hợp quy định pháp luật.

5. Thảo luận: Ngôi chùa như một thiết chế giáo dục và gắn kết cộng đồng

5.1. Từ giáo lý đến thực hành xã hội: sự kế thừa và mở rộng khung phân tích Kathina

Nghiên cứu trước của tác giả về Kathina sử dụng chuỗi giáo lý - niềm tin - hành vi – giá trị xã hội để lý giải cách một nghi lễ chuyển tải giáo lý nhân quả và khuyến khích hành vi hướng thiện. Bài viết này kế thừa logic phân tích ấy nhưng mở rộng phạm vi từ nghi lễ sang thiết chế chùa. Nếu Kathina là một thực hành có thời điểm và khuôn thức nghi lễ tương đối xác định, thì ngôi chùa là không gian tổ chức nhiều thực hành khác nhau, diễn ra thường xuyên và có sự tham gia của nhiều chủ thể.

Có thể khái quát cơ chế tác động của ngôi chùa qua bốn thành tố: (1) nền tảng giá trị Phật giáo và văn hóa Khmer; (2) thiết chế chùa cùng các chủ thể truyền

đạt như chư tăng, achar, ban quản trị và Phật tử; (3) hoạt động cụ thể như dạy chữ, thuyết giảng, lễ hội, tương trợ và phối hợp cộng đồng; (4) kết quả hướng đến như duy trì ngôn ngữ, hình thành nhận thức đạo đức, bảo tồn bản sắc và tăng cường gắn kết xã hội. Mô hình này không hàm ý quan hệ nhân quả tuyến tính tuyệt đối; kết quả còn phụ thuộc gia đình, nhà trường, chính sách, nguồn lực và điều kiện của từng địa bàn.

5.2. Tính bổ trợ giữa chức năng tôn giáo và chức năng xã hội

Các trường hợp nghiên cứu cho thấy chức năng xã hội của chùa không tách rời chức năng tôn giáo. Việc học chữ Khmer có thể gắn với khả năng tiếp cận kinh sách và văn hóa; thuyết giảng đạo đức gắn với sinh hoạt Phật tử; lễ hội vừa đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng vừa tạo cơ hội giao lưu; hoạt động phối hợp xã hội diễn ra trong một không gian có ý nghĩa tinh thần đối với cộng đồng. Tuy nhiên, không nên đồng nhất mọi hoạt động xã hội tại chùa với hoạt động tôn giáo hoặc cho rằng mọi chức năng xã hội đều trực tiếp xuất phát từ giáo lý.

Cách tiếp cận phù hợp là xem chùa như một thiết chế có nguồn lực đặc thù: tính liên tục của sinh hoạt, uy tín của tăng đoàn, mạng lưới Phật tử, không gian văn hóa và khả năng kết nối các thế hệ. Những nguồn lực này có thể hỗ trợ hoạt động giáo dục và cộng đồng khi được tổ chức phù hợp, có sự phối hợp và tôn trọng vai trò của từng chủ thể.

5.3. Giới hạn của bằng chứng và yêu cầu nghiên cứu tiếp theo

Các nguồn được sử dụng trong bài chủ yếu là tài liệu công khai và tin tức về hoạt động. Chúng cho phép xác định sự hiện diện của chương trình, một số quy mô tham gia và cách thức phối hợp, nhưng chưa đủ để kết luận mức độ thay đổi về năng lực ngôn ngữ, nhận thức đạo đức, hành vi xã hội hoặc chất lượng sống. Bên cạnh đó, các trường hợp chùa Âng và chùa tại xã Trà Côn có tính minh họa theo từng chức năng, không đại diện thống kê cho toàn bộ 156 chùa.

Nghiên cứu tiếp theo cần khảo sát có chọn mẫu tại các chùa thuộc những địa bàn khác nhau; phỏng vấn chư tăng, achar, ban quản trị, giáo viên, phụ huynh, học sinh và người dân; quan sát lớp học, sinh hoạt tôn giáo và hoạt động cộng đồng; đồng thời đối chiếu hồ sơ hoạt động của tự viện khi được phép tiếp cận. Cần xây dựng chỉ báo riêng cho từng chức năng, tránh dùng số lượng hoạt động làm thước đo duy nhất cho hiệu quả.

6. Định hướng phát huy vai trò của ngôi chùa Phật giáo Nam Tông Khmer

6.1. Nâng cao chất lượng giáo dục chữ Khmer

Cần tăng cường phối hợp giữa chùa, gia đình, nhà trường và cơ quan giáo dục để thống nhất mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học phù hợp từng nhóm tuổi. Bên cạnh số lớp và số học viên đăng ký, cần theo dõi số học viên duy nhất, tỷ lệ chuyên cần, kết quả đọc - viết và khả năng sử dụng tiếng Khmer trong đời sống. Việc bồi dưỡng phương pháp sư phạm cho chư tăng và achar tham gia giảng dạy cũng cần được quan tâm.

6.2. Kết hợp giáo dục đạo đức với thực hành Phật giáo

Hoạt động giáo dục đạo đức nên gắn giáo lý nhân quả, nghiệp, bố thí, giữ giới và từ bi với các tình huống gần gũi trong gia đình, trường học và cộng đồng. Chư tăng có thể phối hợp với phụ huynh, giáo viên và đoàn thể tổ chức sinh hoạt cho thanh thiếu niên theo hướng dễ hiểu, không áp đặt, khuyến khích tự giác và trách nhiệm. Việc đánh giá cần dựa trên phản hồi của người học, phụ huynh và quan sát thực tế, không chỉ dựa trên số buổi thuyết giảng.

6.3. Bảo tồn văn hóa theo hướng cộng đồng chủ thể

Các chùa có thể phối hợp với cơ quan văn hóa, trường học và nhà nghiên cứu để kiểm kê, số hóa kinh sách, tư liệu lịch sử, kiến trúc, nghệ thuật và ký ức cộng đồng. Mọi hoạt động cần tôn trọng tri thức của cộng đồng Khmer, có sự đồng thuận của chủ thể nắm giữ tư liệu và bảo đảm tính chính xác khi giới thiệu di sản. Việc bảo tồn cần chú trọng truyền thừa thực hành và tri thức sống, không chỉ dừng ở trình diễn hoặc quảng bá.

6.4. Phát triển cơ chế phối hợp an sinh và kết nối cộng đồng

Khi tham gia các chương trình an sinh, chùa cần phối hợp với chính quyền, cơ sở y tế và tổ chức xã hội trên cơ sở xác định rõ đơn vị chủ trì, nguồn lực, đối tượng thụ hưởng và trách nhiệm của từng bên. Các chương trình nên có tiêu chí công khai, cơ chế phản hồi và theo dõi kết quả. Cần tôn trọng lịch sinh hoạt tôn giáo, tính tự nguyện của Phật tử và quyền riêng tư của người thụ hưởng.

6.5. Nâng cao hiệu quả truyền thông chính sách Việt - Khmer

Cơ quan chuyên môn có thể phối hợp với Hội Đoàn kết sư sãi yêu nước và các chùa để cung cấp tài liệu chính xác, dễ hiểu, song ngữ Việt - Khmer khi phù hợp. Chư tăng và ban quản trị có thể hỗ trợ chuyển tải thông tin, giải thích nội dung trong phạm vi hiểu biết và chuyển câu hỏi chuyên môn đến cơ quan có thẩm quyền. Hiệu quả cần được đánh giá thông qua mức độ hiểu biết, khả năng tiếp cận và phản hồi của người dân.

6.6. Xây dựng chương trình khảo sát và cơ sở dữ liệu cấp tự viện

Đề xuất khảo sát bước đầu tại 3-5 chùa thuộc các địa bàn có điều kiện dân cư và hoạt động khác nhau. Nội dung gồm: (i) phỏng vấn sâu chư tăng, achar, ban quản trị, giáo viên, phụ huynh, học sinh và người dân; (ii) quan sát lớp học chữ Khmer, sinh hoạt Phật giáo và hoạt động cộng đồng; (iii) khảo sát bảng hỏi về mức độ tham gia, trải nghiệm học tập và đánh giá của người dân; (iv) đối chiếu kế hoạch, báo cáo hoạt động và hồ sơ liên quan khi được phép. Dữ liệu phải được thu thập có sự đồng thuận, bảo vệ thông tin cá nhân và phân biệt rõ kết quả khảo sát với nhận định của người nghiên cứu.

7. Kết luận

Ngôi chùa Phật giáo Nam tông Khmer tại tỉnh Vĩnh Long cần được nhìn nhận không chỉ như cơ sở thực hành tôn giáo mà còn là một thiết chế có vai trò giáo dục, bảo tồn văn hóa và kết nối cộng đồng. Từ nền tảng triết học Phật giáo, đặc biệt là quan niệm về nghiệp gắn với tác ý và trách nhiệm đối với hành động, chùa tạo môi trường để các giá trị đạo đức được truyền đạt và thực hành. Thông qua hoạt động dạy chữ Khmer, thuyết giảng, lễ hội, sinh hoạt Phật tử và phối hợp cộng đồng, ngôi chùa góp phần duy trì ngôn ngữ, truyền thừa tri thức văn hóa và tạo không gian giao tiếp xã hội.

Các trường hợp được phân tích cho thấy những biểu hiện cụ thể của vai trò ấy: hoạt động dạy chữ Khmer tại chùa Âng ở Trà Vinh trước sáp nhập; chương trình Tết Quân - Dân tại chùa Khmer ở xã Trà Côn năm 2026; và việc phối hợp phổ biến chính sách dân tộc đến chư tăng, ban quản trị 156 chùa. Những dữ liệu này làm rõ khả năng tham gia của ngôi chùa vào đời sống cộng đồng, đồng thời cho thấy vai trò xã hội của chùa được thực hiện thông qua sự phối hợp giữa nhiều chủ thể, chứ không chỉ bằng hoạt động riêng của tự viện.

Về mặt học thuật, bài viết kế thừa cách phân tích từ giáo lý, niềm tin đến hành vi và giá trị xã hội trong nghiên cứu trước về Kathina, đồng thời mở rộng sang việc xem xét ngôi chùa như một thiết chế đa chức năng. Tuy nhiên, các bằng chứng hiện có chủ yếu phản ánh hoạt động và quy mô triển khai, chưa đủ để lượng hóa tác động dài hạn đối với nhận thức đạo đức, năng lực ngôn ngữ hoặc điều kiện sống. Do đó, cần tiếp tục khảo sát thực địa, xây dựng chỉ báo đánh giá và tăng cường phối hợp giữa chùa, gia đình, nhà trường, cơ quan quản lý và các tổ chức xã hội. Phát huy vai trò của ngôi chùa trên cơ sở tôn trọng giáo lý Phật giáo, bản sắc văn hóa Khmer và bằng chứng thực tiễn sẽ góp phần bảo tồn di sản sống và củng cố sự gắn kết cộng đồng trong bối cảnh phát triển mới của tỉnh Vĩnh Long.

Tác giả: **Nguyễn Thái Dương**

Học viên cao học, Trường Đại học Cửu Long

Tài liệu tham khảo:

[1] Phùng Thị An Na. (2015). Ngôi chùa trong đời sống người Khmer vùng Tây Nam Bộ. Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam, số 11/2015. https://vjol.info.vn/khxhvn/vi/article/view/22727/

[2] Nguyễn Khắc Cảnh. (2011). Traditional culture of Khmer people in the South of Viet Nam (the perspective from aspect of Khmer pagoda). VNUHCM Journal of Science and Technology Development, 14(3), 87–92. https://doi.org/10.32508/stdj.v14i3.2000

[3] Nguyễn Hữu Thọ. (2021). Theravada Buddhism in the spiritual life of Khmer people in the Southern of Vietnam: Position, role and values. Psychology and Education Journal, 58(5).

https://psychologyandeducation.net/pae/index.php/pae/article/view/6043

[4] Minh Khởi. (2026, ngày 14 tháng 4). Tết quân dân mừng Chôl Chnăm Thmây tỉnh Vĩnh Long. Báo Nhân Dân. https://nhandan.vn/tet-quan-dan-mung-chol-chnam-thmay-tinh-vinh-long-post955629.html

[5] Báo và Phát thanh, Truyền hình Vĩnh Long. (2026). Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa đồng bào Khmer. https://baovinhlong.com.vn/van-hoa-giai-tri/202605/bao-ton-va-phat-huy-ban-sac-van-hoa-dong-bao-khmer-8774e07/

[6] Aṅguttara Nikāya 6.63, Nibbedhikasutta. SuttaCentral, bản dịch tiếng Anh của Thanissaro Bhikkhu. https://suttacentral.net/an6.63/en/thanissaro

[7] Thông tấn xã Việt Nam. (2024, ngày 8 tháng 8). Trà Vinh tích cực bảo tồn văn hóa Khmer. Báo Dân tộc và Phát triển. https://dantocmiennui.baotintuc.vn/tra-vinh-tich-cuc-bao-ton-van-hoa-khmer-post353261.html

[8] Minh Khởi. (2026, ngày 14 tháng 4). Tết quân dân mừng Chôl Chnăm Thmây tỉnh Vĩnh Long. Báo Nhân Dân. https://nhandan.vn/tet-quan-dan-mung-chol-chnam-thmay-tinh-vinh-long-post955629.html

[9] Báo Vĩnh Long. (2026, ngày 16 tháng 4). Tổ chức chuỗi hoạt động chăm sóc sức khỏe đồng bào Khmer.

https://baovinhlong.com.vn/file/e7837c027f6ecd14017ffa4e5f2a0e34/upload/xdata/2

[10] Minh Thu. (2026, ngày 25 tháng 8). Vĩnh Long: 1.716 chư tăng và Ban Quản trị 156 chùa Khmer được tuyên truyền về công tác dân tộc. Báo Dân tộc và Phát triển. https://dantocphattrien.vietnamnet.vn/vinh-long-1-716-chu-tang-va-ban-quan-tri-156-chua-khmer-duoc-tuyen-truyen-ve-cong-tac-dan-toc-77845.html

[11] Đại hội đại biểu Hội Đoàn kết sư sãi yêu nước tỉnh Vĩnh Long. (2025). Báo cáo tổng kết công tác Hội Đoàn kết sư sãi yêu nước tỉnh Vĩnh Long lần thứ I, nhiệm kỳ 2023–2025 và phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2025–2030. Vĩnh Long.